TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 -NGHỆ AN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HS-ST
Ngày 16-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Huy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hoè
Nghề nghiệp: Hưu trí.
Đơn vị công tác:
2. Bà Hồ Thị Nhiệm.
Nghề nghiệp: Giáo viên.
Đơn vị công tác: Trường tiểu học Quỳnh Dị, tỉnh Nghệ An
Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2026/HSST-QĐXX ngày 01 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tô Duy Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 08/01/2009 tại: xã Q, tỉnh Nghệ An;
Số CCCD: 0402090024189.
Nơi cư trú: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: Đang học lớp 11.
Nghề nghiệp: Học sinh;
Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;
H và tên cha: Tô Duy L, sinh năm: 1985;
Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L1, sinh năm:1985;
Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất;
Vợ, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện từ ngày 13/3/2026 đến nay (Có mặt tại phiên toà).

2. Họ và tên: Lê Nguyễn Thái S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 02/10/2011 tại: phường T, tỉnh Nghệ An;
Số CCCD: 040211021377.
Nơi cư trú: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: Đang học lớp 9.
Nghề nghiệp: Học sinh;
Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;
H và tên cha: Lê Ngọc A, sinh năm: 1982;
Họ và tên mẹ: Đậu Thị S1, sinh năm:1985;
Anh chị em ruột: bị cáo là con duy nhất;
Vợ, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện từ ngày 13/3/2026 đến nay (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Tô Duy Q:
Ông Tô Duy L, sinh năm 1985 (Có mặt).
Trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.
Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Lê Nguyễn Thái S:
Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.
Người bào chữa cho các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S: Bà Vũ Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An (Có mặt).
Bị hại: Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/8/2017 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Khối 9, phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: K, phường T, tỉnh Nghệ An
Đại diện theo pháp luật của bị hại:
Chị Hồ Thị N, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Khối 9, phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: K, phường T, tỉnh Nghệ An
Người bào chữa cho bị hại: Bà Phan Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An (Có mặt).
Người đại diện Trường T3:
Ông Nguyễn Bá V – Chức vụ: Hiệu trưởng Trường T3 (Vắng mặt).
Người đại diện Trường Trung học cơ sở Q1:
Ông Ngô Văn B – Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Q1 (Vắng mặt).
Người đại diện UBND phường T:
Ông Nguyễn Xuân H2 – Chức vụ: Chuyên viên phòng VH-XH, UBND phường T (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Tô Duy L, sinh năm 1985 (Có mặt).

Trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đức K. Sinh ngày 25/02/2016 (Vắng mặt).

Trú tại: K, phường T, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Nguyễn Văn L2. Sinh ngày 15/10/2012 (Vắng mặt).

Trú tại: K, phường T, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Nguyễn Văn T2. Sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Trú tại: K, phường T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 24/01/2026, Tô Duy Q điều khiển xe mô tô biển số 37AC-030.77 nhãn hiệu ESPERO, màu sơn xanh đen chở Lê Nguyễn Thái S đi từ nhà S đến quán B2-a X88 để xem đánh B1-a. Sau khi đến quán, Q và S để xe mô tô ngoài sân rồi đi vào quán thì gặp một số nam thanh niên (không quen biết) đang đánh Bi-a, S nói với Q "mấy chú đang đánh đây bữa trước đuổi về không cho coi". Nghe vậy, Q nói S "thôi đừng vô nữa" do không có tiền chơi B1-a nên Q và S đi ra ngoài chỗ để xe ngồi. Một lúc sau, S nói với Q "giờ đi nhảy vòng không" (ý là đi tìm trẻ nhỏ có vòng bạc đeo ở cổ cướp bán lấy tiền đánh Bi-a) thì Q đồng ý. Q điều khiển xe mô tô chở S đi nhiều nơi trên địa bàn phường T (ở địa bàn xã Q cũ), tỉnh Nghệ An để tìm kiếm các trẻ nhỏ có vòng bạc. Khi đến đoạn đường liên khối (thuộc khối A, phường T, tỉnh Nghệ An) Q phát hiện thấy cháu Nguyễn Văn T điều khiển xe đạp chở cháu Nguyễn Đức K đang di chuyển cùng chiều. Thấy vậy, Q lái xe tăng ga vượt qua xe đạp của cháu T, Q nhìn thấy cháu T có vòng bạc đeo trên cổ liền nói với S "thằng lái xe đạp có vòng" rồi dừng xe lại. Sau đó, Q liền gọi cháu T "ê lại đây hỏi" thì cháu T dừng xe lại. Lúc này, để dễ tiếp cận nên S đi đến khoác vai, ôm cổ cháu T và nói "bố anh quen bố em", rồi hỏi tiếp "nhà em ở mô" thì cháu T chỉ tay và trả lời "nhà em ở đầu tê". Nghe vậy, Q đi lại gần nói với cháu T "đi đến nhà lấy cho anh cốc nước uống với". Sau đó, Q để xe mô tô trên đường rồi ngồi lên xe đạp để cháu T chở về nhà, S đi bộ cùng với K theo sau. Khi đến cổng nhà, cháu T chạy vào nhà lấy nước cho Q uống, lúc này S đứng cách Q khoảng 10m gọi to "ê Q, kêu thằng có vòng bạc lại đây". Q cầm cốc nước đi đến chỗ S đang đứng và đưa cho S uống hết nhằm mục đích lừa cháu T đến để lấy dây chuyền bạc. Khi cháu T đến nơi, S bỏ cốc nước xuống đường rồi đi vòng ra phía sau, tay phải ôm ngực, tay trái bịt mắt cháu T để Q đi vòng phía sau người cháu T tháo chốt vòng bạc. Lúc này, cháu T dãy giữa, la hét

“bỏ ra, tau mách bà”. Q lấy được vòng bạc cầm trên tay, S thả cháu T ra. Cháu T chạy về nhà gặp một người đàn ông đang lái máy cày cuốc đất trồng rau sát cạnh nhà, cháu T hét to báo về việc bị Q và S lấy vòng bạc nhưng người đàn ông này không nghe thấy. Nghe vậy, Q sợ quá nên vứt chiếc vòng bạc vừa lấy được của cháu T xuống bụi cỏ ven đường. Một lúc sau, anh trai của cháu T là Nguyễn Văn L2 chạy ra yêu cầu Q và S đứng lại, rồi lấy điện thoại gọi bố đẻ là anh Nguyễn Văn T2 về nhà giải quyết sự việc. Khi anh T2 về nhà, cháu T liền nói “hai anh ni lấy vòng bạc của con”. Lúc này, anh T2 đang chuẩn bị gọi điện thông báo cho Công an phường T, tỉnh Nghệ An biết nội dung sự việc, yêu cầu Q, S dắt xe vào nhà thì Q nổ máy điều khiển xe mô tô chở theo S chạy thoát khỏi hiện trường.

Ngày 25/01/2026, chị Hồ Thị N (là mẹ đẻ cháu Nguyễn Văn T) đến Công an phường T, tỉnh Nghệ An để trình báo sự việc. Đến ngày 26/01/2026, Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S đã đến Công an phường T, tỉnh Nghệ An xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số 976/KL-KTHS ngày 06 tháng 02 năm 2026 của V1, Bộ C, Kết luận: 01 (một) dây chuyền kim loại màu bạc chế tác dạng các mắt xích tròn nối với các mắt xích hình chữ nhật, móc khóa hình chữ S gửi giám định có tổng khối lượng 21,61 gam, trong đó:

- Móc khóa hình chữ S có khối lượng 1,08 gam là hợp kim bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Ag 83,88%.

- Phần các mắt xích tròn đều là bạc (Ag); hàm lượng Ag trung bình 99,47%.

- Phần kim loại còn lại đều là hợp kim bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Z), cadmi (Cd); hàm lượng Ag trung bình 78,74%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Nghệ An, kết luận: Dây kim loại, màu bạc, chế tác dạng các mắt xích tròn nối với các mắt xích hình chữ nhật, móc khóa hình chữ S, kích thước (dài 43cm, rộng 0,5cm), có tổng khối lượng 21,61 gam. Dây kim loại đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24/01/2026) có giá trị là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSKV4 ngày 06/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An đã truy tố các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố: Các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S đã phạm vào tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1; khoản 2 điều 51;

điều 54; điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 119; điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Đề nghị xử phạt bị cáo Tô Duy Q từ 22 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 22 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 3 điều 119; điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thái S từ 20 tháng đến 22 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 20 tháng đến 22 tháng.

Vật chứng vụ án: Đề nghị trả lại cho bị cáo Tô Duy Q 01 (một) xe mô tô biển số 37AC – 030.77 nhãn hiệu ESPERO, màu sơn xanh đen, số khung RPE1CBBPERA587906, số máy VDEJQ139FMBE587906. Xe đã qua sử dụng.

Về án phí bị cáo Tô Duy Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Lê Nguyễn Thái S.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi không có tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S nhất trí với tội danh mà Cáo trạng truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phạm tội trong lúc chưa đủ 18 tuổi (Bị cáo Q 17 tuổi 16 ngày, bị cáo S 14 tuổi 03 tháng 22 ngày), các bị cáo đang là học sinh nhận thức pháp luật còn chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Tô Duy Q từ 20 tháng đến 22 tháng tù cho hưởng án treo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thái S từ 18 tháng đến 20 tháng tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa

điểm mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 24/01/2026, tại đoạn đường liên khối (thuộc khối A, phường T, tỉnh Nghệ An), Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S đã có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản là chiếc dây chuyền bạc trị giá 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) của cháu Nguyễn Văn T.

Hành vi của các bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S đã phạm vào tội "Cướp tài sản". Bị hại cháu Nguyễn Văn T (sinh ngày 28/08/2017) là người dưới 16 tuổi (08 tuổi, 04 tháng, 22 ngày) nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy cần xem xét xử phạt nghiêm đúng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo nói riêng cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm nói chung.

[4] Xét hành vi, vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với bị cáo Tô Duy Q, bị cáo mặc dù không phải là người khởi xướng việc cướp tài sản nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực, bị cáo trực tiếp chở bị cáo S đi tìm người có vòng bạc đeo để cướp, là người trực tiếp cướp vòng bạc của cháu T. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ 16 đến dưới 18 tuổi lớn tuổi hơn bị cáo S. Đáng ra phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo, tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đ, được đại diện gia đình bị hại có đơn trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú. Trong quá trình học tập tại trường bị cáo cũng được tặng nhiều giấy khen. Có bà nội tham gia kháng chiến được hưởng trợ cấp 01 lần. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng hiện nay đang là học

sinh để tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục theo học phát triển tương lai nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng điều 54 BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Mức hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Nguyễn Thái S, bị cáo là người khởi xướng việc đi cướp tài sản cùng bị cáo Q đi tìm người có vòng bạc đeo để cướp, giúp bị cáo Q bị mắt cháu T để bị cáo Q cướp vòng bạc của cháu T. Đáng ra cũng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo, tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được đại diện gia đình bị hại có đơn trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú, bị cáo có ông bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi là người chưa thành niên nên cần áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng hiện nay đang là học sinh để tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục theo học phát triển tương lai nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, mức hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại đã nhận đủ tài sản không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 37AC – 030.77 nhãn hiệu ESPERO, màu sơn xanh đen, số khung RPE1CBBPERA587906, số máy VDEJQ139FMBE587906 thu giữ của bị cáo Tô Duy Q. Mặc dù giấy tờ xe mang tên bị cáo tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã chứng minh đây là tài sản do bố mẹ bị cáo mua cho bị cáo đứng tên. Bị cáo hiện đang là học sinh khi phạm tội cũng chưa được hưởng lợi gì nên cần thiết phải trả lại cho bị cáo Tô Duy Q.

[7] Án phí: Bị cáo Tô Duy Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lê Nguyễn Thái S là trẻ em đã có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên miễn án phí cho bị cáo Lê Nguyễn Thái S.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện theo pháp luật của các bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 119; Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo Tô Duy Q 22 (Hai mươi hai) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 22 (Hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/6/2026) về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Khoản 3 Điều 119; Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Thái S 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/6/2026) về tội "Cướp tài sản"

Giao các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S cho UBND phường T, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Tô Duy Q và Lê Nguyễn Thái S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Tô Duy Q 01 (một) xe mô tô biển số 37AC – 030.77 nhãn hiệu ESPERO, màu sơn xanh đen, số khung RPE1CBBPERA587906, số máy VDEJQ139FMBE587906. Xe đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Nghệ An ngày 27/5/2026.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc

bị cáo Tô Duy Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Nguyễn Thái S.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị cáo Tô Duy Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại, đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Nguyễn Thái S vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Huy

Nơi nhận:
- Các bị cáo; bị hại;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Người liên quan;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Hồ Thị Nhiệm Phan Thị H3	**Nguyễn Hữu H4**